

# PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

## 1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	DEVCON® R-Flex® Surface Conditioner Powder Premix
Các hình thức nhận dạng khác	
SKU#	6934
Công dụng đề nghị	Không có dữ liệu.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	
Tên công ty	ITW Performance Polymers
Địa chỉ	Bay 150 Shannon Industrial Estate Co. Clare Ailen V14 DF82
Người Liên Hệ	Customer Service
Số Điện Thoại	353(61)771500 353(61)471285
Email	customerservice.shannon@itwpp.com
Số điện thoại khẩn cấp	44(0) 1235 239 670 (24 giờ )

## 2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Chất rắn oxy hóa	Loại 2
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Độc tính cấp, qua miệng	Loại 4
	Độc tính cấp, qua da	Loại 5
	Ăn mòn/kích ứng da	Loại 2
	Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 2
	Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc	Nhóm 3 kích ứng đường hô hấp
Các hiểm họa cho môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa cấp	Loại 1
	Nguy hiểm cho môi trường nước, hiểm họa lâu dài	Loại 1

### Các thành phần của nhãn



#### Từ cảnh báo

Nguy hiểm

#### Công bố hiểm họa

Có thể làm cháy mạnh hơn; chất oxy hóa. Có hại nếu nuốt phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Rất độc đối với đời sống thủy sinh. Rất độc đối với đời sống thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

#### Thông điệp đề phòng

##### Phòng Ngừa

Đề xa nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần, và các nguồn gây cháy khác. Không hút thuốc. Đề xa quần áo và các vật liệu dễ cháy khác. Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi nước. Rửa kỹ sau khi thao tác. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này. Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt. Tránh phát thải ra môi trường. Sử dụng găng tay bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt.

##### Ứng phó

**NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT/bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. Súc miệng. **NẾU BỊ DÍNH VÀO DA:** Hãy rửa sạch bằng nhiều nước. **KHI HÍT PHẢI:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở. **NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT:** Rửa cẩn thận với nước trong nhiều phút. Lấy kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Gọi cho một TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT/bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe. Nếu bị kích ứng da: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu vẫn tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại. Trong trường hợp cháy: Sử dụng chất chữa cháy phù hợp để dập lửa. Thu gom lượng tràn đổ.

<b>Bảo Quản</b>	Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín. Lưu trữ trong khu vực khóa.
<b>Thải bỏ</b>	Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
<b>Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại</b>	Chưa được biết.
<b>Thông tin thêm</b>	Không có.

### 3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
TRICHLOROISOCYANIC ACID		87-90-1 201-782-8	60-100
Các thành phần khác dưới mức có thể báo cáo			10-30

### 4. Các biện pháp sơ cứu

<b>Hít phải</b>	Đưa ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ngơi trong một tư thế dễ thở. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ nếu bạn cảm thấy không được khỏe.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Nếu dính vào quần áo: Rửa ngay lập tức quần áo và da bị nhiễm bẩn bằng nhiều nước rồi mới cởi quần áo. Rửa bằng nhiều xà phòng và nước. Tìm tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không được khỏe. Nếu bị kích ứng da: Tìm tư vấn/chăm sóc y tế. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Xả sạch mắt ngay lập tức với nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính sát trùng, nếu có và nếu dễ tháo. Tiếp tục súc rửa. Tìm chăm sóc y tế nếu tình trạng kích ứng lan rộng và dai dẳng.
<b>Ăn phải</b>	Súc miệng. Nếu bị nôn, giữ đầu thấp để chất nôn từ dạ dày không đi vào phổi. Tìm tư vấn/chăm sóc y tế nếu bạn cảm thấy không được khỏe.
<b>Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện</b>	Kích ứng mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Kích ứng da. Có thể gây đỏ và đau.
<b>Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt</b>	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ tổng quát và điều trị theo triệu chứng. Giữ ấm cho nạn nhân. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
<b>Thông tin tổng quát</b>	Cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn. Tiếp xúc với chất dễ cháy có thể gây hoả hoạn. Nếu bạn cảm thấy không được khỏe, hãy tìm tư vấn y tế (đưa nhãn cho bác sĩ xem nếu có thể). Đảm bảo rằng nhân viên y tế có nhận thức về (các) vật liệu liên quan, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân. Đưa phiếu an toàn hoá chất này cho bác sĩ phụ trách. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

### 5. Các biện pháp cứu hỏa

<b>Các chất chữa cháy phù hợp</b>	Sương nước. Bọt chữa cháy. Bột hóa chất khô. cacbon dioxit (CO2).
<b>Chất chữa cháy không phù hợp</b>	Không dùng vòi xịt nước (water jet) để dập lửa, vì việc này sẽ làm lửa lan rộng.
<b>Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất</b>	Tăng mạnh tốc độ cháy của các vật liệu dễ cháy. Thùng chứa có thể nổ khi gia nhiệt. Trong khi cháy, các khí nguy hại cho sức khỏe có thể được hình thành.
<b>Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy</b>	Phải sử dụng bình dưỡng khí thở độc lập và trang phục bảo hộ đầy đủ trong trường hợp có cháy.
<b>Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa</b>	Trong trường hợp cháy và/hoặc nổ, không hít khói. Đưa các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm mà không có rủi ro. Dùng vòi phun tia nước (water spray) để làm mát các thùng chứa đóng kín.
<b>Các biện pháp cụ thể</b>	Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa bằng nước một lúc lâu sau khi ngọn lửa tắt hẳn.
<b>Các hiểm họa cháy nói chung</b>	Có thể làm cháy mạnh hơn; chất oxy hóa. Tiếp xúc với chất dễ cháy có thể gây hoả hoạn.

### 6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

<b>Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp</b>	Không để những nhân viên không liên quan tiếp cận. Giữ mọi người tránh xa khỏi khu vực tràn đổ/rò rỉ và ở đầu chiều gió. Để xa quần áo và các vật liệu dễ cháy khác. Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Không chạm vào các thùng chứa đã hư hỏng hoặc vật liệu tràn đổ trừ khi đã mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Đảm bảo đủ thông gió. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Về vấn đề bảo hộ cá nhân, xin xem mục 8 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.
--	---

<b>Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch</b>	Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy (không hút thuốc, pháo sáng, tia lửa hoặc ngọn lửa trần ở các khu vực xung quanh). Để các chất dễ cháy (gỗ, giấy, dầu, v.v...) tránh xa vật liệu tràn đổ. Thông gió khu vực bị nhiễm hóa chất. Giảm thiểu việc phát sinh và tích tụ bụi. Mang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong khi dọn dẹp. Sản phẩm này tan ít trong nước. Ngăn chặn không để sản phẩm chảy vào hệ thống cống rãnh. Ngăn dòng chảy vật liệu, nếu việc này không gây nguy hiểm.
	Tràn đổ Lớn: Làm ướt bằng nước và khuấy kín lại để thải bỏ sau đó. Xúc vật liệu vào thùng chứa chất thải. Sau khi thu gom sản phẩm, dùng nước xả sạch khu vực.
	Tràn đổ Nhỏ: Quét hoặc hút vật liệu tràn đổ và thu gom vào thùng chứa phù hợp để thải bỏ. Làm sạch bề mặt cẩn thận để loại bỏ lượng chất ô nhiễm còn lại.
	Không bao giờ cho chất tràn đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Về thải bỏ chất thải, xem mục 13 của Phiếu An Toàn Hóa Chất.
<b>Các biện pháp để phòng cho môi trường</b>	Tránh phát thải ra môi trường. Thông báo cho người quản lý hoặc giám sát phù hợp về tất cả các phát thải ra môi trường. Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn đổ thêm nếu có thể thực hiện được một cách an toàn. Tránh xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

7. Thao tác và bảo quản

<b>Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn</b>	Giảm thiểu việc phát sinh và tích tụ bụi. Nên tiến hành công tác nội dịch định kỳ để đảm bảo bụi không tích tụ trên các bề mặt. Tránh xa nhiệt. Phòng ngừa để tránh trộn lẫn với các chất dễ cháy. Để xa quần áo và các vật liệu dễ cháy khác. Không ném hoặc nuốt vào. Tránh tiếp xúc với mắt, da, và quần áo Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Thực hiện thông gió đầy đủ. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Rửa tay thật kỹ sau khi thao tác. Tránh phát thải ra môi trường. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Tuân thủ tốt các quy chuẩn vệ sinh công nghiệp.
<b>Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ</b>	Lưu trữ trong khu vực khóa. Tránh xa nhiệt. Bảo quản ở nơi mát, khô và tránh ánh nắng trực tiếp. Bảo quản đóng kín trong thùng chứa. Bảo quản ở nơi thông gió tốt. Không bảo quản gần các vật liệu dễ cháy. Bảo quản xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10 của Phiếu An toàn Hóa chất SDS).

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

<b>Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp</b>	Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.
<b>Các giá trị giới hạn sinh học</b>	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.
<b>Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp</b>	Nên sử dụng hệ thống thông gió toàn bộ. Tốc độ thông gió phải phù hợp với từng điều kiện. Nếu có, sử dụng quy trình xử lý kín, thông gió hút cục bộ, hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để duy trì nồng độ trong không khí dưới giới hạn tiếp xúc được khuyến nghị. Nếu giới hạn tiếp xúc chưa được thiết lập, duy trì nồng độ trong không khí ở mức có thể chấp nhận. Cung cấp bồn rửa mắt và vòi sen tắm an toàn.
<b>Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân</b>	
<b>Biện pháp bảo vệ mắt/mặt</b>	Đeo kính an toàn che kín hai bên (hoặc kính bảo hộ).
<b>Bảo vệ da</b>	
<b>Bảo vệ tay</b>	Đeo găng tay chống hóa chất thích hợp. Nên thay găng thường xuyên.
<b>Khác</b>	Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp. Nên sử dụng tạp dề không thấm.
<b>Bảo vệ đường hô hấp</b>	Mặt nạ chống hóa chất có ống lọc hơi hữu cơ.
<b>Các hiểm họa nhiệt</b>	Sử dụng trang phục bảo hộ chống nhiệt thích hợp, khi cần thiết.
<b>Các lưu ý vệ sinh chung</b>	Tránh tiếp xúc với quần áo và các vật liệu dễ cháy khác. Cởi bỏ và giặt quần áo bị nhiễm bẩn ngay lập tức. Để xa đồ ăn thức uống. Luôn tuân thủ tốt các biện pháp vệ sinh cá nhân, chẳng hạn như rửa ráy sau khi thao tác với vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo lao động và thiết bị bảo hộ để loại bỏ các chất nhiễm bẩn.

9. Tính chất lý hóa

<b>Ngoại Quan</b>	Chất rắn.
<b>Trạng thái vật lý</b>	Chất Rắn.
<b>Dạng</b>	Chất rắn.
<b>Màu</b>	Hồ phách.
<b>Mùi</b>	Nhẹ. Clo.
<b>Ngưỡng phát hiện mùi</b>	Không có dữ liệu.
<b>pH</b>	Không có dữ liệu.
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	246 °C (474.8 °F) Ước tính
<b>Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu</b>	Không có dữ liệu.
<b>Điểm chớp cháy</b>	250.0 °C (482.0 °F) Ước tính
<b>Tốc độ bay hơi</b>	Không có dữ liệu.

Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có dữ liệu.
<b>Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ</b>	
Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có dữ liệu.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có dữ liệu.
Áp suất hơi	-0.01 hPa Ước tính
Tỷ khối hơi	Không có dữ liệu.
Tỷ trọng tương đối	Không có dữ liệu.
<b>(Các) độ tan</b>	
Tính tan (nước)	1.2 % @ 25 C
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu.
Độ nhớt	Không có dữ liệu.
<b>Thông tin khác</b>	
Tỷ Trọng	> 1.16 - < 1.90 g/cm3
Các tính chất nổ	Không nổ.
Các tính chất oxy hóa	Có thể làm cháy mạnh hơn; chất oxy hóa.
Khối Lượng Riêng	> 1.16 - < 1.9

**10. Độ bền và khả năng phản ứng**

Khả năng phản ứng	Tăng mạnh tốc độ cháy của các vật liệu dễ cháy.
Độ bền hóa học	Vật liệu ổn định trong các điều kiện bình thường.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Các điều kiện cần tránh	Nhiệt. Tiếp xúc với các vật liệu không tương thích.
Các vật liệu tương kỵ	Vật liệu dễ cháy. Các chất khử.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

**11. Thông tin về độc tính**

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra		
Hít phải	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp.	
Tiếp xúc với da	Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da.	
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.	
Ăn phải	Có hại nếu nuốt phải.	
Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.	Kích ứng mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Kích ứng da. Có thể gây đỏ và đau.	
Thông tin về các tác dụng độc		
Độc tính cấp tính	Ở nồng độ cao, hơi gây mê và có thể gây nhức đầu, mệt mỏi, chóng mặt và ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương. Có hại nếu nuốt phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da.	
Thành phần	Loài	Kết quả thử nghiệm
TRICHLOROISOCYANIC ACID (CAS 87-90-1)		
<u>Cấp tính</u>		
<b>Da</b>		
LD50	Thỏ	> 2000 mg/kg
<b>Đường miệng</b>		
LD50	Chuột	406 mg/kg
<b>Hít phải</b>		
LC50	Chuột	0.09 - 0.29 mg/l, 4 Giờ
Ăn mòn/kích ứng da	Gây kích ứng da.	
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.	

## Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

<b>Gây mẫn cảm đường hô hấp</b>	Không phải là một chất gây mẫn cảm đường hô hấp.
<b>Gây mẫn cảm da</b>	Sản phẩm này được dự kiến là không gây mẫn cảm cho da.
<b>Khả năng gây đột biến tế bào mầm</b>	Không có dữ liệu nào cho thấy sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có nồng độ trên 0,1% là chất gây đột biến hoặc gây độc cho gen.
<b>Khả năng gây ung thư</b>	Không có dữ liệu.
<b>Độc tính sinh sản</b>	Sản phẩm này được dự kiến là không gây tác động đến sinh sản hoặc phát triển.
<b>Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc</b>	Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
<b>Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại</b>	Không được phân loại.
<b>Hiểm họa hít phải</b>	Không phải là nguy cơ đối với đường hô hấp.

## 12. Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính sinh thái</b>	Rất độc đối với đời sống thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
<b>Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy</b>	Không có dữ liệu về khả năng phân hủy của bất kỳ thành phần nào trong hỗn hợp này.
<b>Khả năng tích tụ sinh học</b>	
<b>Hệ Số Phân Tách octanol/nước log Kow</b>	0.94
<b>TRICHLOROISOCYANIC ACID</b>	
<b>Di chuyển trong đất</b>	Sản phẩm này tan ít trong nước và có thể phân tán trong đất.
<b>Các tác dụng có hại khác</b>	Thành phần này được dự kiến là không gây ra tác động bất lợi nào khác cho môi trường (ví dụ: suy giảm tầng ôzôn, khả năng tạo ozon do quang hóa, rối loạn nội tiết, khả năng gây nóng lên toàn cầu)

## 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

<b>Các Hướng Dẫn Thải Bỏ</b>	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các thùng kín tại nơi xử lý chất thải được cấp phép. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Không gây ô nhiễm ao hồ, sông suối hoặc hệ thống mương rãnh bởi hóa chất hoặc thùng chứa đã qua sử dụng. Thải bỏ vật liệu bên trong/thùng chứa theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
<b>Các quy định tiêu hủy của địa phương</b>	Thải bỏ theo tất cả các quy định hiện hành.
<b>Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng</b>	Thải bỏ theo quy định của địa phương. Các thùng chứa hoặc túi lót rỗng có thể còn chứa các cặn dư của sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được thải bỏ một cách an toàn (xem: Hướng dẫn thải bỏ).
<b>Bao bì bị ô nhiễm</b>	Vì các thùng chứa dù đã hết vẫn có thể còn lại cặn dư sản phẩm, tuân theo các cảnh báo trên nhãn ngay cả khi thùng chứa đã cạn. Các thùng chứa rỗng cần được đưa đến cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt để tái chế hoặc thải bỏ.

## 14. Thông tin về việc vận chuyển

### IATA

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

### IMDG

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

**Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ Lục II của Hiệp Định** Không áp dụng.

**MARPOL 73/78 và Quy Tắc IBC**

## 15. Thông tin về quy định

<b>Các quy định quốc gia</b>	Về các biện pháp bảo vệ, hướng dẫn sử dụng và bảo quản, xin xem Phiếu An Toàn Hóa Chất. Về số lượng, ngày sản xuất, ngày hết hạn và xuất xứ hàng hóa, xin xem nhãn vận chuyển.
<b>Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi</b>	Không có trong danh mục.
<b>Hóa chất Sản xuất &amp; Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi</b>	
<b>TRICHLOROISOCYANIC ACID (CAS 87-90-1)</b>	29336900
<b>Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi</b>	
<b>TRICHLOROISOCYANIC ACID (CAS 87-90-1)</b>	29336900

CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi

Không được quy định.

Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi

Không được quy định.

Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi

Không được quy định.

Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

#### Các quy định quốc tế

##### Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

##### Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

##### Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

##### Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

##### Hiệp Ước Basel

Không áp dụng.

#### Các Danh Mục Quốc Tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên kiểm kê	Đang lưu kho (có/không)*
Ôttrâylia	Danh mục Hóa chất Công nghiệp Úc (AICIS)	Có
Canada	Danh Sách Chất Sinh Hoạt (DSL)	Có
Canada	Danh Sách Các Chất Không Phải Sinh Hoạt (NDSL)	Không
Trung Quốc	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Hiện Hữu ở Trung Quốc (IECSC)	Có
Châu Âu	Danh mục Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành của châu Âu (EINECS)	Có
Châu Âu	Danh Sách Các Chất Hóa Học Được Thông Báo của Châu Âu (ELINCS)	Không
Nhật Bản	Kiểm Kê Các Chất Hóa Học Mới và Hiện Hữu (ENCS)	Có
Hàn Quốc	Danh Sách Hóa Chất Hiện Hữu (ECL)	Có
Niu Di Lân	Kiểm Kê New Zealand	Có
Philippines	Kiểm Kê Các Hóa Chất và Chất Hóa Học (PICCS)	Có
Đài Loan	Danh Mục Hóa Chất của Đài Loan (TCSI)	Có
Hoa Kỳ và Puerto Rico	Danh Mục Theo Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Có

\*"Có" chỉ ra rằng mọi thành phần của sản phẩm này phù hợp với các yêu cầu hàng tồn kho được quản lý bởi quốc gia cai quản

"Không" cho biết một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được nêu hoặc được miễn nêu trong danh mục do (các) quốc gia quản lý quân trị.

#### 16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành	25-Tháng-Sáu-2023
Ngày sửa đổi	28-Tháng-Bảy-2023
Phiên bản số	02
Khước Từ Trách Nhiệm	ITW Performance Polymers không thể xác định trước tất cả các điều kiện mà thông tin ở đây cùng với sản phẩm của nó, hoặc sản phẩm của những nhà sản xuất khác cùng với sản phẩm của họ, có thể sẽ được sử dụng. Người dùng có trách nhiệm bảo đảm mọi điều kiện an toàn cho việc thao tác, bảo quản và thải bỏ sản phẩm này, và chịu trách nhiệm pháp lý về việc mất mát, tổn thương, thiệt hại hoặc chi phí do việc sử dụng không phù hợp gây ra. The information provided in this Safety Data Sheet is correct to the best of our knowledge, information and belief at the date of its publication. The information relates only to the specific material designated and may not be valid for such material used in combination with any other materials or in any process, unless specified in the text. The information given is designed only as a guidance for safe handling, use, processing, storage, transportation, disposal and release.